TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 120/2019/QĐST-HNGĐ	*Dầu Tiếng, ngày 16 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết:

- Chị Trần Thị B, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Anh Trần T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 5, thị trấn D1, huyện D2, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/5/2019 và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 08/5/2019, các đương sự thống nhất được với nhau các nội dung cần phải giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Trần T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 11/8/2003 và Trần Thị Mai T1, sinh ngày 11/02/2012.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị Trần Thị B tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và lệ phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Trần T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Trần Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 11/8/2003 và Trần Thị Mai T1, sinh ngày 11/02/2012. Anh Trần T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Thị Mai T1 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tên Trần Thị Mai T1 trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2019. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị B về việc không yêu cầu anh Trần T cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Đăng K.

Kể từ ngày chị Trần Thị B có yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần T không thanh toán số tiền nêu trên theo thỏa thuận, thì hàng tháng anh Trần T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Trần Thị B tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí hôn nhân gia đình và cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0031500 ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã B, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Minh Đồng